

Số: 10 /KH-ĐDBQH

Hưng Yên, ngày 23 tháng 02 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### **Giám sát chuyên đề “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”**

Căn cứ Nghị quyết số 266/2021/UBTVQH15 ngày 05/8/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội năm 2022; Nghị quyết số 289/NQ-UBTVQH15 ngày 06/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”; Kế hoạch số 76/KH-ĐGS ngày 24/10/2021 của Đoàn giám sát (ĐGS) Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”; Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện giám sát chuyên đề với những nội dung chính như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Xem xét, theo dõi, đánh giá toàn diện, khách quan việc thực hiện của Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

- Xem xét, theo dõi, đánh giá việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực hành chính và tư pháp trong giai đoạn từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021.

- Kịp thời chỉ ra những tồn tại, hạn chế, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị giải pháp nhằm thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan, nhất là các quy định trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước phát sinh nhiều khiếu nại, tố cáo.

- Nâng cao trách nhiệm giải trình, làm rõ trách nhiệm của các cơ quan, nhất là người đứng đầu cơ quan chịu sự giám sát trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; nâng cao năng lực, trách nhiệm của cơ quan quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực đất đai và một số lĩnh vực được dư luận, đại biểu Quốc hội quan tâm, nhằm hạn chế tối đa phát sinh khiếu nại, tố cáo.

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử; đồng thời xem xét, xử lý nghiêm các cơ quan, cá nhân có vi phạm.

## **2. Yêu cầu**

- Thực hiện theo đúng quy định Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 11/01/2017 về ban hành Quy chế Tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội và Nghị quyết số 289/NQ-UBTVQH15 ngày 06/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Đoàn giám sát.

- Nội dung giám sát bám sát các quy định của pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo; kế thừa các kết quả giám sát hàng năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội liên quan đến chuyên đề giám sát; lựa chọn vấn đề giám sát có trọng tâm, trọng điểm.

- Tích cực, chủ động thực hiện các hoạt động giám sát; đổi mới phương thức hoạt động giám sát, có cách thức và phương pháp triển khai linh hoạt, phù hợp tình hình thực tế.

- Bảo đảm thực hiện đúng tiến độ, hiệu quả hoạt động giám sát; tạo sự chuyển biến trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

## **II. NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI GIÁM SÁT**

### **1. Nội dung giám sát**

- Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của cơ quan, người có thẩm quyền.

- Tình hình, kết quả thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Trong đó, làm rõ việc chấp hành pháp luật về:

+ Công tác tổ chức tiếp công dân; tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân đột xuất và tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu; tiếp công dân gắn liền với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Việc chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với cơ quan quản lý hành chính nhà nước;

+ Việc chấp hành các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục, thời hạn, thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp: tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, thi hành án hình sự, thi hành án dân sự, thi hành án hành chính; việc tiếp nhận, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án đã có hiệu lực pháp luật;...

+ Việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền, sự tham gia, phối hợp của Mặt trận tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Luật sư, Hội luật gia,... trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

+ Việc cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, rà soát việc giải quyết đối với một số vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, đông người, kéo dài;

+ Công tác thanh tra công vụ về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân;

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác đào tạo, tập huấn và các chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

+ Việc thực hiện kiến nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo;

- Đánh giá kết quả đạt được, bài học kinh nghiệm trong thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; xác định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thực hiện các nội dung nêu trên.

- Các giải pháp hoàn thiện thể chế pháp luật về hình thức như: Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, các Bộ luật tố tụng: dân sự, hình sự, hành chính; pháp luật về chuyên ngành như: Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,...; kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; pháp luật về hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

## **2. Đối tượng giám sát**

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh.

## **3. Phạm vi giám sát**

- Về nội dung: giám sát việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Về thời gian: từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021.

## **III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH**

### **1. Thành phần Đoàn giám sát**

- Đại biểu Quốc hội tỉnh khóa XV;

- Mời đại diện lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tham gia Đoàn giám sát:
- + Đại diện lãnh đạo HĐND tỉnh;
- + Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- + Đại diện lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh ;
- + Đại diện các sở, ngành, đơn vị: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy; Thanh tra tỉnh và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan khác do yêu cầu của cuộc giám sát.

Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ thực tế của hoạt động giám sát Đoàn ĐBQH tỉnh có thể mời một số cán bộ có chuyên môn của một số sở, ngành của tỉnh có liên quan và chuyên gia am hiểu về lĩnh vực giám sát tham gia Đoàn giám sát hoặc tham gia Tổ giúp việc của Đoàn giám sát (*sẽ có Công văn gửi các sở, ngành cử cán bộ tham gia Đoàn*).

## 2. Phương pháp giám sát

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giám sát chuẩn bị báo cáo theo Đề cương (*gửi kèm*) gửi về Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh (*qua Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh*), địa chỉ: số 10, đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên **trước ngày 04/3/2022** để Đoàn tổng hợp, báo cáo Đoàn giám sát của Quốc hội và triển khai kế hoạch giám sát theo đúng tiến độ; đồng thời gửi kèm file word theo địa chỉ Email: [Doandaibieuquochoi.hy@gmail.com](mailto:Doandaibieuquochoi.hy@gmail.com) (*chi tiết liên hệ: Đ/c Lại Thanh Thu, Chuyên viên phòng Công tác Quốc hội, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, SĐT: 0914764626*).

- Căn cứ báo cáo kết quả triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, Đoàn ĐBQH tỉnh sẽ tiến hành giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị, tổ chức đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương.

- Thời gian: dự kiến **tháng 03/2022** (*thời gian cụ thể Đoàn ĐBQH tỉnh sẽ có Công văn gửi sau*).

- Kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát sẽ ban hành Thông báo kết luận giám sát, có báo cáo gửi Đoàn giám sát của Quốc hội, Thường trực Tỉnh ủy; đồng thời gửi các đơn vị, địa phương có liên quan để thực hiện.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đoàn đại biểu Quốc hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức giám sát tại cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch này.

2. Giao Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tham mưu tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm phối hợp tốt với Đoàn giám sát; thực hiện đầy đủ nội dung, kế hoạch giám sát; xây dựng

báo cáo theo đề cương và cung cấp hồ sơ, tài liệu cho Đoàn giám sát và giải trình các nội dung mà Đoàn yêu cầu.

Quá trình thực hiện có gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh để được giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; } (Đề báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các vị đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên Đoàn giám sát;
- Các cơ quan, đơn vị được giám sát;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI  
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN PHỤ TRÁCH**



**Nguyễn Đại Thắng**



**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO GIÁM SÁT**  
**VỀ “Việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và**  
**giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021”**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 10 /ĐDBQH-CTQH ngày 23/02/2022 của Đoàn ĐBQH tỉnh)*

**PHẦN I**  
**VIỆC BAN HÀNH PHÁP LUẬT CỦA UBND TỈNH, HUYỆN, THỊ XÃ,**  
**THÀNH PHỐ; TAND, VKSND, CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH**  
**VỀ TIẾP CÔNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**

**1. Đường lối, chủ trương của Đảng về công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- Đánh giá việc quán triệt, triển khai thực hiện các văn bản, chủ trương của Đảng, Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 15/4/2014 của Bộ Chính trị; Quy định số 11 - QĐ/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị; các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư qua các đợt sơ kết, tổng kết Chỉ thị 35; các văn bản của Tỉnh ủy, Đảng bộ các cơ quan.

- Đánh giá việc bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

**2. Đánh giá việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- Kết quả đạt được:

+ Số lượng các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành (Đoàn ĐBQH yêu cầu các cơ quan tổng hợp danh mục văn bản theo Phụ lục 1 kèm theo);

+ Số lượng các văn bản hướng dẫn và văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành (Đoàn ĐBQH yêu cầu các cơ quan tổng hợp danh mục văn bản theo Phụ lục 2 kèm theo).

- Đánh giá chất lượng văn bản, tập trung vào các nội dung như:

+ Việc bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất của văn bản (căn cứ pháp lý của văn bản); các văn bản được ban hành hỗ trợ cho nhau, không chồng chéo, mâu thuẫn;...

+ Việc bảo đảm tính hiệu lực, hiệu quả và khả thi của văn bản: tác động của văn bản trong thực tiễn; các quy định về trách nhiệm và xử lý trách nhiệm đối với tập thể/cá nhân;...

+ Thời gian, tiến độ ban hành: bảo đảm tính cấp thiết, kịp thời của văn bản;

+ Những văn bản còn thiếu, những quy định không còn phù hợp.

Đánh giá chung về công tác này của các cơ quan.

**3. Tồn tại, hạn chế**

**4. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế**

- Nguyên nhân khách quan.

- Nguyên nhân chủ quan.

## 5. Trách nhiệm của các cơ quan

- Trách nhiệm của UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố.
- Trách nhiệm của TAND, VKSND, Cục THADS tỉnh.

## PHẦN II

# KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

## I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

Đánh giá về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và phối hợp trong việc tổ chức thực hiện quy định pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

## II. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA CÔNG DÂN

### 1. Tình hình chung về khiếu nại, tố cáo của công dân

Đánh giá tình hình chung về khiếu nại, tố cáo của công dân tại địa phương; khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

### 2. Những lĩnh vực, nội dung chủ yếu công dân khiếu nại, tố cáo

- Trong lĩnh vực hành chính: đánh giá nội dung, nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo chủ yếu trong lĩnh vực quản lý đất đai; quản lý, khai thác tài nguyên; vấn đề về môi trường; về chính sách pháp luật đối với người có công;...
- Trong lĩnh vực tư pháp: đánh giá nội dung, nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo chủ yếu trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự, thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, thi hành án hình sự,...

## III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CÔNG DÂN VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

### 1. Kết quả tiếp công dân

- Đánh giá tình hình, kết quả triển khai công tác tiếp công dân theo Luật Tiếp công dân và Nghị định, Thông tư hướng dẫn của Chính phủ. Ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến công tác tổ chức tiếp công dân.
- Kết quả tiếp công dân trên địa bàn tỉnh, thành phố: Đoàn ĐBQH yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước tổng hợp số liệu theo Phụ lục 3; TAND, VKSND và Cục THADS theo Phụ lục 4; trên cơ sở đó đánh giá các số liệu này.
- Đánh giá việc tiếp công dân thường xuyên, tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu và nội dung công dân khiếu nại, tố cáo (tỷ lệ %).

### 2. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Đánh giá tổng số đơn nhận, tăng hay giảm so với cùng kỳ (tỷ lệ %).
- Đánh giá việc phân loại đơn thành đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh, đơn hành chính, đơn tư pháp, đơn thi hành án, ... (đảm bảo chính xác không); đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết hết thẩm quyền nhưng có chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, người đứng đầu các cơ quan ở Trung ương phải xem xét lại việc giải quyết.
- Đánh giá số vụ việc khiếu nại, tố cáo thụ lý, giải quyết.

#### 2.1. Kết quả giải quyết khiếu nại

- Trong lĩnh vực hành chính: Đoàn ĐBQH yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước tổng hợp số liệu theo Phụ lục 5; trên cơ sở đó đánh giá các số liệu này.

- Trong lĩnh vực tư pháp: Đoàn ĐBQH yêu cầu TAND, VKSND tổng hợp số liệu theo Phụ lục 6; Cục Thi hành án dân sự theo Phụ lục 7; trên cơ sở đó đánh giá các số liệu này.

- Đánh giá thêm về các số liệu sau:

+ Số vụ việc khiếu nại đã giải quyết: trong thời hạn, quá thời hạn; tỷ lệ % khiếu nại đúng, có đúng, có sai và khiếu nại sai; số vụ việc giải quyết lần 2 đã hủy, sửa quyết định giải quyết lần 1; số vụ việc đang, chưa giải quyết, lý do;

+ Số vụ việc có luật sư, tổ chức đoàn thể tham gia trong quá trình giải quyết;

+ Số vụ việc khiếu nại giải quyết hết thẩm quyền đã, đang kiểm tra, rà soát lại theo Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ, người đứng đầu các cơ quan ở Trung ương và ở tỉnh/thành phố: số vụ việc giải quyết lại, số vụ việc giữ nguyên việc giải quyết, số vụ việc đang kiểm tra, rà soát lại và số vụ việc chấm dứt thụ lý nhưng công dân còn khiếu nại kéo dài, phức tạp, đông người (có danh sách kèm theo);

+ Số vụ việc công dân khiếu nại, sau đó khởi kiện vụ án hành chính và kết quả giải quyết của cơ quan Tòa án.

## **2.2. Kết quả giải quyết tố cáo**

- Trong lĩnh vực hành chính: Đoàn ĐBQH yêu cầu các cơ quan hành chính nhà nước tổng hợp số liệu theo Phụ lục 5; trên cơ sở đó đánh giá các số liệu này.

- Trong lĩnh vực tư pháp: Đoàn ĐBQH yêu cầu TAND, VKSND tổng hợp số liệu theo Phụ lục 6; Cục Thi hành án dân sự theo Phụ lục 7; trên cơ sở đó đánh giá các số liệu này.

- Đánh giá thêm về các số liệu sau:

+ Số vụ việc tố cáo đã giải quyết: trong thời hạn, quá thời hạn; tỷ lệ % tố cáo đúng, có đúng, có sai và tố cáo sai; số vụ việc đang, chưa giải quyết, lý do;

+ Số vụ việc tố cáo tiếp, giải quyết lại vụ việc tố cáo. Số vụ việc được chuyển sang Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát để giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Số vụ việc từ khiếu nại không được chuyển sang tố cáo người giải quyết khiếu nại;

+ Việc xử lý cán bộ, người bị tố cáo có vi phạm (nêu rõ số liệu, hình thức xử lý, thuộc cấp, ngành nào).

## **3. Đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

### **3.1. Về tiếp công dân**

- Việc công khai lịch tiếp công dân của cơ quan, tổ chức và người đứng đầu cơ quan, tổ chức.

- Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc tổ chức công tác tiếp công dân: địa điểm tiếp công dân; việc bố trí công chức tiếp công dân; năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng của công chức tiếp công dân việc xây dựng kế hoạch, lịch tiếp công dân;...

- Trách nhiệm phối hợp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong việc tiếp công dân.

- Việc đảm bảo công khai, dân chủ, khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân; việc giải thích, hướng dẫn cho công dân.

- Trách nhiệm và hiệu quả của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc trực tiếp tiếp công dân; việc tổ chức thực hiện ý kiến chỉ đạo của người đứng đầu khi tiếp công dân.

- Vai trò của các tổ chức (*chính trị, chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, ...*) tham gia vào hoạt động tiếp công dân; nhất là số vụ việc tiếp có luật sư tham gia; công tác phối hợp với cơ quan hữu quan, đoàn thể.

- Việc tiếp đoàn đông người; việc thông báo kết quả tiếp công dân; việc phân loại, ghi sổ tiếp công dân theo quy định.

- Ý thức của công dân trong việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân.

- Việc tổ chức tiếp công dân gắn liền với phòng, chống dịch Covid-19.

### **3.2. Về giải quyết khiếu nại**

- Việc tuân thủ quy định pháp luật về thời hiệu khiếu nại.

- Việc tuân thủ các quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết; về trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại: thụ lý khiếu nại, thời hạn giải quyết, việc tổ chức đối thoại, nhất là khiếu nại đông người, phức tạp, việc gửi quyết định khiếu nại lần đầu, gửi và công khai quyết định giải quyết khiếu nại lần hai.

- Việc tuân thủ về hình thức giải quyết khiếu nại: nêu rõ số vụ việc giải quyết bằng quyết định, số vụ việc giải quyết bằng thông báo, công văn.

- Kết quả tổ chức thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

- Vai trò của luật sư, các tổ chức đoàn thể tham gia vào quá trình giải quyết.

- Cách thức giải quyết các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài, nhất là các vụ việc khiếu nại liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Việc áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ việc khiếu nại.

### **3.3. Về giải quyết tố cáo**

- Việc chấp hành quy định pháp luật về thẩm quyền giải quyết; về trình tự, thủ tục giải quyết: thụ lý tố cáo; thời hạn giải quyết; kết luận nội dung tố cáo (*nêu rõ số vụ việc giải quyết bằng kết luận, số vụ việc giải quyết bằng thông báo, công văn...*).

- Việc xử lý kết luận nội dung tố cáo của người giải quyết tố cáo.

- Việc công khai kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo.

- Việc bảo vệ người tố cáo (*các biện pháp bảo vệ; số vụ việc vi phạm việc bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; ...*).

- Việc xử lý tố cáo có dấu hiệu tội phạm, áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm.

- Cách thức xử lý tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

- Việc áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ việc tố cáo.

**4. Đánh giá kết quả việc thực hiện công tác rà soát việc giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp, đông người**

**5. Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền, phổ biến và giáo dục pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

**6. Đánh giá kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công chức**

**7. Đánh giá kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

- Đánh giá về công tác thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.
- Đánh giá về công tác tự kiểm tra của các cơ quan, tổ chức.

**8. Đánh giá kết quả công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào việc tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

#### **IV. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN**

**1. Tồn tại, hạn chế trong việc tổ chức thực hiện pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Phân tích, đánh giá các tồn tại, hạn chế theo trình tự tại mục III, Phần II của Đề cương giám sát.

**2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế**

*2.1. Nguyên nhân chủ quan.*

*2.1. Nguyên nhân khách quan.*

**3. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân**

- Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân, các sở, ngành có liên quan và của người đứng đầu các cơ quan này;

- Trách nhiệm của các cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Thi hành án và của người đứng đầu các cơ quan này;

- Ý thức của công dân trong việc chấp hành pháp luật về tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

### **PHẦN III GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ**

**I. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo**

**1. Giải pháp về thể chế, chính sách.**

**2. Giải pháp về tổ chức thực hiện.**

**II. Kiến nghị**

**1. Đối với Đảng**

**2. Đối với Quốc hội**

**3. Đối với Chính phủ**

**4. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, TANDTC, VKSNDTC**

**5. Đối với Chính quyền địa phương (HĐND và UBND)**

*Các cơ quan kiến nghị về việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật tổng hợp theo Phụ lục số 8*

## PHỤ LỤC 1

### DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐÃ BAN HÀNH (Kèm theo Đề cương Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên)

STT	Tên văn bản	Số, kí hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung văn bản	Căn cứ ban hành
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

## PHỤ LỤC 2

**Danh mục các văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành**  
*(Kèm theo Đề cương Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên)*

STT	Tên văn bản	Số, kí hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Cơ quan ban hành	Nội dung văn bản	Căn cứ ban hành
1.						
2.						
3.						
4.						
5.						

PHỤ LỤC 3

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN CỦA ...

(Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021)

(Đối với UBND tỉnh, huyện, thị xã, thành phố)

Cấp, ngành	TÌNH HÌNH TIẾP CÔNG DÂN																	KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN							
	Số lượt tiếp công dân và số ngày tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu theo quy định								Phân loại vụ việc qua tiếp công dân									Hướng dẫn, giải thích		Số vụ việc tiếp nhận		Kết quả giải quyết vụ việc tiếp nhận qua tiếp công dân			
	Số lượt tiếp công dân					Số ngày tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo			Tổng số vụ việc	Số vụ việc	Vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài	Theo loại đơn			Theo lĩnh vực			Văn bản	Trực tiếp	Thụ lý theo thẩm quyền	Chuyên/chi đạo cơ quan có thẩm quyền	Vụ việc đã giải quyết	Vụ việc đang giải quyết	Vụ việc công dân tiếp khiếu	Văn bản chấm dứt
	Tổng số lượt tiếp	Tiếp thường xuyên	Tiếp định kỳ của lãnh đạo	Tiếp đột xuất của lãnh đạo	Đoàn đông người	Tổng số	Chủ tịch, Thủ trưởng tiếp	Cấp phó tiếp theo ủy quyền				Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Hành chính	Tư pháp	Thi hành án								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	16	17	18	19	20	21	22	23
UBND tỉnh																									
Tổng số các Sở và đơn vị thuộc tỉnh																									
Tổng số UBND huyện																									
Tổng số các Phòng và đơn vị thuộc huyện																									
Tổng số UBND xã																									
<b>Tổng</b>																									

Ghi chú: 1=(2+3+4); 6=(7+8); 9=(10+11)=(12+13+14)=(15+16+17);

**Đề nghị nêu rõ tổng số có bao nhiêu:** Sở và đơn vị thuộc cấp tỉnh; UBND cấp huyện, Phòng và đơn vị cấp huyện; UBND cấp xã;

Thống kê rõ số ngày Chủ tịch UBND mỗi cấp, người đứng đầu sở, ngành đã tiếp công dân định kỳ (theo Luật tiếp công dân) tại cột số 7; số ngày ủy quyền cấp Phó tại cột số 8; trong đó có số ngày có tổ chức tiếp định kỳ của Chủ tịch, người đứng đầu nhưng không có công dân đến (nếu có thì đề nghị nêu cụ thể thêm trong nội dung Báo cáo);

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp tỉnh: 1 ngày/tháng x 12 tháng;

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng Sở, ngành: 1 ngày/tháng x 12 tháng x số Sở, ngành;

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp huyện: 2 ngày/tháng x 12 tháng x số đơn vị cấp huyện;

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND cấp xã: 4 ngày/tháng x 12 tháng x số đơn vị cấp xã.

**PHỤ LỤC 4**

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN CỦA ...**

(Từ ngày 01/7/2016 đến ngày 01/7/2021)

(Đối với TAND, VKSND và Cục THADS tỉnh)

Cấp, ngành	TÌNH HÌNH TIẾP CÔNG DÂN																	KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN							
	Số lượt tiếp công dân và số ngày tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu theo quy định								Phân loại vụ việc qua tiếp công dân									Hướng dẫn, giải thích		Số vụ việc tiếp nhận		Kết quả giải quyết vụ việc tiếp nhận qua tiếp công dân			
	Số lượt tiếp công dân					Số ngày tiếp công dân định kỳ			Tổng số vụ việc	Số vụ việc	Vụ việc đông người, phức tạp, kéo dài	Theo loại đơn			Theo lĩnh vực			Văn bản	Trực tiếp	Thụ lý theo thẩm quyền	Chuyên/chi đạo cơ quan có thẩm quyền	Vụ việc đã giải quyết	Vụ việc đang giải quyết	Vụ việc công dân tiếp khiếu	Văn bản chấm dứt
	Tổng số lượt tiếp	Tiếp thường xuyên	Tiếp định kỳ của lãnh đạo	Tiếp đột xuất của lãnh đạo	Đoàn đông người	Tổng số	Thủ trưởng tiếp	Cấp phó tiếp theo ủy quyền				Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Hành chính	Tư pháp	Thi hành án								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	16	17	18	19	20	21	22	23
TAND (VKSND, Cục THADS) tỉnh																									
Tổng số TAND (VKSND, Chi cục THADS) huyện																									
<b>Tổng</b>																									

Ghi chú: 1=(2+3+4); 6=(7+8); 9=(10+11)=(12+13+14)=(15+16+17).

**Đề nghị nêu rõ tổng số có bao nhiêu:** TAND (VKSND, Chi cục THADS) huyện.

Thông kê rõ số ngày người đứng đầu cơ quan đã tiếp công dân định kỳ (theo Luật tiếp công dân) tại cột số 7; số ngày ủy quyền cấp Phó tại cột số 8; trong đó có số ngày có tổ chức tiếp định kỳ của người đứng đầu nhưng không có công dân đến (nếu có thì đề nghị nêu cụ thể thêm trong nội dung Báo cáo);

Số ngày tiếp công dân định kỳ của Thủ trưởng cơ quan: 1 ngày/tháng x 12 tháng x ngành.





PHỤ LỤC 7

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA ...**  
 (Từ ngày 1/7/2016 đến ngày 1/7/2021)  
 (Đối với cơ quan Thi hành án)

Cấp, ngành	TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT ĐƠN														KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT																	
	Phân loại theo đơn, thư				Phân loại đơn thi hành án theo lĩnh vực						Phân loại đơn thi hành án theo điều kiện xử lý										Thu hồi cho Nhà nước		Trả cho tổ chức, cá nhân		Kỷ luật							
	Đơn thi hành án			Đơn khác	Khiếu nại			Tố cáo			Đơn không đủ điều kiện		Đơn đủ điều kiện	Đơn không đủ điều kiện khác	Tổng số vụ việc	Số vụ việc không thuộc thẩm quyền	Số vụ việc thuộc thẩm quyền	Đã giải quyết	Đang giải quyết	Số vụ việc đồng người, phức tạp, kéo dài	Khiếu nại			Tố cáo			Thu hồi về đất	Thu hồi về tài sản	Trả đất	Trả tiền	Kỷ luật cá nhân	Kỷ luật tập thể
	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh		Thi hành án dân sự	Thi hành án hành chính	Khác	Thi hành án dân sự	Thi hành án hành chính	Khác	Đơn trùng	Đơn không đủ điều kiện khác									Đúng	Có đúng có sai	Sai	Đúng	Có đúng có sai	Sai						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
Cục THADS tỉnh																																
Tổng số Chi cục THADS huyện																																
<b>Tổng</b>																																

Ghi chú: 1=(2+3+4+5); 2=(6+7+8); 3=(9+10+11); (2+3+4) = (12+13+14); 15=(16+17); 17=(18+19); 18=(21+22+23+24+25+26).  
 Đề nghị nêu rõ tổng số có bao nhiêu: Chi cục THADS huyện.

## PHỤ LỤC 8

### DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CẦN XÂY DỰNG, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Kèm theo Đề cương Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hưng Yên)

TT	Loại văn bản	Số hiệu, ngày ban hành, nội dung văn bản quy phạm pháp luật	Kiến nghị xây dựng sửa đổi bổ sung Văn bản BQPPL (Điều, khoản cụ thể)
1			
2			
3			
...			